

DANH SÁCH 656 HỘ GIA ĐÌNH CỦA TỔ 34
ĐƯỢC TẶNG DANH HIỆU “GIA ĐÌNH VĂN HÓA” NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1349/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của Chủ tịch UBND phường)

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
1.	Lê Phương Nguyên	
2.	Đặng Tiến Thủy	
3.	Trần Như Phước	
4.	Văn Thị Mùi	
5.	Đoàn Hùng Nam	
6.	Trần Mưu Trường	
7.	Vương Quốc Bình	
8.	Đoàn Thanh Liêm	
9.	Huỳnh Thị Bích Đào	
10.	Nguyễn Văn Dưỡng	
11.	Đỗ Hậu (Giỏi)	
12.	Nguyễn Ích Sơn	
13.	Nguyễn Thị Kim Thuyết	
14.	Trần Thị Mậu (Tùng)	
15.	Trần Thị Kiều Loan	
16.	Nguyễn Hữu Trung	
17.	Cao Văn Thắng	
18.	Bùi Thanh Hải	
19.	Nguyễn Tấn Phước	
20.	Võ Thanh	
21.	Nguyễn Văn Anh	
22.	Nguyễn Phú Thi	
23.	Nguyễn Công Vũ (Hòa)	
24.	Nguyễn Hữu Thuận	
25.	Nguyễn Hữu Tùng	
26.	Đặng Công Định	
27.	Nguyễn Quốc Cường	
28.	Nguyễn Thị Thanh	
29.	Bùi Thị Hoanh	
30.	Phạm Thị Thông	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
31.	Đoàn Tấn Hận	
32.	Võ Thị Thu Hương	
33.	Nguyễn Hữu Tự	
34.	Đông Văn Cảnh	
35.	Nguyễn Thị Hạnh	
36.	Trần Như Phi	
37.	Nguyễn Thị Diệu (Tuồng)	
38.	Bùi Phương Thúy	
39.	Huỳnh Trường	
40.	Trần Thị Diễm Châu	
41.	Đoàn Văn Hy	
42.	Bùi Quang Danh	
43.	Trần Văn Kỳ	
44.	Huỳnh Thị Bích Liên	
45.	Nguyễn Văn Giáp	
46.	Huỳnh Thị Mộng Chi	
47.	Hồ Thị Thu Sương	
48.	Trần Ngọc Cường	
49.	Nguyễn Văn Thành	
50.	Nguyễn Văn Tiên	
51.	Trần Thanh Hải	
52.	Ngô Văn Sửu (Hai)	
53.	Nguyễn Quang Hôi (Linh)	
54.	Nguyễn Thị Tuyết Nga	
55.	Nguyễn Thị Huê	
56.	Nguyễn Văn Thanh	
57.	Võ Hương	
58.	Văn Hải	
59.	Trần Ngọc Tiến	
60.	Nguyễn Hữu Hưng	
61.	Võ Thị Ái	
62.	Nguyễn Thị Ngọc	
63.	Lê Thị Lý	
64.	Huỳnh Thị Mười	
65.	Hồ Thị Mỹ Hòa	
66.	Nguyễn Hữu Hình	
67.	Nguyễn Thảo	
68.	Cao Thị Nở	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
69.	Nguyễn Văn Chí	
70.	Nguyễn Ngọc Minh	
71.	Nguyễn Thành Đức	
72.	Võ Thành Mẫn	
73.	Phan Thị Thu	
74.	Nguyễn Thị Loan	
75.	Võ Ngọc Thanh	
76.	Nguyễn Thị Chuốc	
77.	Đinh Thị Kiều	
78.	Tổng Phước Hưng	
79.	Nguyễn Thị Thu Trang	
80.	Trương Rồi	
81.	Nguyễn Văn Ảnh	
82.	Nguyễn Thành Phúc	
83.	Huỳnh Tấn Hòa	
84.	Lê Quang Phụng	
85.	Phạm Duy Khánh	
86.	Đoàn Nguyên Trung	
87.	Đoàn Ngọc Thanh	
88.	Nguyễn Vinh Mỹ	
89.	Võ Hương	
90.	Bùi Văn Thảo	
91.	Nguyễn Văn Út	
92.	Nguyễn Thành Song	
93.	Nguyễn Có	
94.	Phan Văn Nghĩa	
95.	Nguyễn Quang Đảng	
96.	Nguyễn Tấn Đạt	
97.	Đặng Công Hiếu	
98.	Trần Cao Vũ	
99.	Võ Hoi	
100.	Võ Thị Ánh Loan	
101.	Nguyễn Văn Thuận	
102.	Thái Quang Hòa	
103.	Nguyễn Văn Phận	
104.	Nguyễn Văn Dự	
105.	Nguyễn Chức	
106.	Văn Khắc Dũng	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
107.	Nguyễn Thị Mùi	
108.	Phạm Thị Tuyết	
109.	Lê Tiến Dũng	
110.	Nguyễn Văn Đôn	
111.	Huỳnh Tấn Tám	
112.	Võ Quốc Thịnh (Mùi)	
113.	Võ Thành Mỹ	
114.	Lê Càn	
115.	Thái Từ Vân	
116.	Vương Đình Truyền	
117.	Nguyễn Viết Đạt	
118.	Nguyễn Tín	
119.	Nguyễn Hy	
120.	Nguyễn Văn Mạnh	
121.	Nguyễn Thị Lệ Lại	
122.	Phan Lâm Tân	
123.	Phan Lâm Phúc	
124.	Phan La Vân	
125.	Phan Đoàn	
126.	Bùi Liên	
127.	Nguyễn Tấn Luận	
128.	Lê Quang Liên	
129.	Phan Thị Thu Thủy	
130.	Huỳnh Xuân Phương	
131.	Nguyễn Thị Hường	
132.	Phạm Minh Thành	
133.	Nguyễn Thị Yến	
134.	Đỗ Ngọc Ân	
135.	Lương Công Tường	
136.	Nguyễn Long	
137.	Nguyễn Mạnh	
138.	Nguyễn Thị Hoa	
139.	Phạm Thị Toan	
140.	Lê Văn Lập	
141.	Trần Phan Bảo Hùng (Tuyết)	
142.	Trần Phan Bảo Tuấn	
143.	Nguyễn Đình Anh (Lộc)	
144.	Phạm Trí Kiệm	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
145.	Võ Thị Tiệp	
146.	Lý Thị Tàu	
147.	Huỳnh Thị Kim Sen	
148.	Nguyễn Thị Thiện	
149.	Nguyễn Chức	
150.	Huỳnh Thị Linh	
151.	Nguyễn Thị Huyền Nga	
152.	Văn Khắc Tiến	
153.	Châu Văn Em	
154.	Thái Từ Thiện	
155.	Nguyễn Thị Lành	
156.	Lê Lâm Sơn	
157.	Nguyễn Viết Anh	
158.	Đoàn Thị Mật	
159.	Nguyễn Đông Phương	
160.	Nguyễn Hữu Huân	
161.	Phan Văn Long	
162.	Phan Văn Tường	
163.	Huỳnh Tấn Nghĩa	
164.	Huỳnh Minh	
165.	Nguyễn Thị Thư	
166.	Nguyễn Thanh Ký	
167.	Cao Hương	
168.	Cao Minh Thủy	
169.	Huỳnh Thị Kim Thoa	
170.	Lý Sơn	
171.	Nguyễn Trang Nhật Tân	
172.	Nguyễn Tâm	
173.	Võ Bốn	
174.	Trần Thị Diễm My	
175.	Ngô Thanh Hải	
176.	Phan Thị Lý	
177.	Tổng Thị Thanh	
178.	Nguyễn Thị Kim Tiên	
179.	Thái Đức Huê	
180.	Võ Đình Châu	
181.	Huỳnh Tấn Cảnh	
182.	Nguyễn Viết Tính	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
183.	Nguyễn Thiên Bút	
184.	Phạm Thị Bé Thúy	
185.	Ngô Thị phi Phi	
186.	Đỗ Thị Thanh Việt	
187.	Cao Thị Thanh Tuyền	
188.	Lý Cảnh	
189.	Tô Văn Khôi	
190.	Trần Ngọc Hải	
191.	Phan Chín	
192.	Nguyễn Tấn Dũng	
193.	Nguyễn Đình Tánh	
194.	Đặng Văn Thái	
195.	Ngô Duy Mười	
196.	Trần Quang Phát	
197.	Nguyễn Ứng	
198.	Nguyễn Hồng Nha (Hiên)	
199.	Nguyễn Tiên Nhân	
200.	Lê Đốc	
201.	Trần Thanh Bình	
202.	Phạm Văn Đông	
203.	Nguyễn Hữu Quang	
204.	Trương Ngọc Nhi	
205.	Nguyễn Văn Thuận (Diệm)	
206.	Nguyễn Đông Nghĩa	
207.	Nguyễn Duy Nhật	
208.	Nguyễn Thị Lan	
209.	Võ Thiếu Vương	
210.	Trần Thị Hiên	
211.	Nguyễn Khánh Hòa	
212.	Nguyễn Xí	
213.	Lê Trọng Tấn	
214.	Huỳnh Thị Lài	
215.	Trương Bửu Kiếm	
216.	Phan Khắc Phong	
217.	Nguyễn Văn Huệ	
218.	Nguyễn Viết Tuấn	
219.	Nguyễn Viết Tú	
220.	Trần Hồng Hưng	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
221.	Nguyễn Xít	
222.	Nguyễn Sanh	
223.	Nguyễn Cách	
224.	Cao Minh Nam	
225.	Nguyễn Văn Quế	
226.	Phạm Cứu	
227.	Nguyễn Tài Đạt	
228.	Nguyễn Thị Thu Hà	
229.	Nguyễn Thị Thanh	
230.	Trương Thị Phương Thủy	
231.	Vũ Trọng Thanh	
232.	Huỳnh Văn Luận	
233.	Bùi Thanh Vân	
234.	Bùi Quang	
235.	Lâm Văn Hùng	
236.	Trần Quang Trung	
237.	Nguyễn Văn Thê	
238.	Phan Thanh Hồng	
239.	Phan Thanh Hoàng	
240.	Tăng Nguyên Thuận	
241.	Nguyễn Đức Toàn	
242.	Huỳnh Thị Cảnh	
243.	Dương Quốc Hùng	
244.	Trương Thị Thảo	
245.	Nguyễn Thị Minh Tâm	
246.	Hồ Quốc Hoan	
247.	Huỳnh Thị Tri	
248.	Phan Văn Ba	
249.	Lê Thị Thứ	
250.	Nguyễn Thị Cảo	
251.	Huỳnh Minh Trung	
252.	Đỗ Thị Ngọc	
253.	Nguyễn Minh Trinh	
254.	Lê Văn Lâm	
255.	Phạm Ngọc Trung	
256.	Huỳnh Thị Kim Minh	
257.	Huỳnh Văn Hoàng	
258.	Nguyễn Anh Dũng	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
259.	Nguyễn Anh Tuấn	
260.	Nguyễn Văn Đức	
261.	Lê Nhân	
262.	Cao Xuân Thủy	
263.	Nguyễn Thị Kim Dung	
264.	Nguyễn Văn Lâm	
265.	Lê Quang Khanh	
266.	Phạm Bút	
267.	Nguyễn Cư	
268.	Phan Thị Hồng	
269.	Thái Minh Lập	
270.	Nguyễn Tấn Thành	
271.	Nguyễn Thị Đưa	
272.	Nguyễn Thị Giang	
273.	Nguyễn Ba	
274.	Nguyễn Hà Lập	
275.	Cao Duy Lưu	
276.	Cao Duy Hoàng	
277.	Cao Ngọc Trung	
278.	Nguyễn Thị Kim Trâm	
279.	Cao Ngọc Thuần	
280.	Cao Thị Thanh Tuyền	
281.	Cao Thị Tuyết	
282.	Nguyễn Minh Vũ	
283.	Phan Thị Bảy	
284.	Lý Lâm	
285.	Võ Thị Hồng Kiêm	
286.	Nguyễn Thị Hồng Minh	
287.	Hồ Nguyên Thiên Trà	
288.	Nguyễn Thị Hoa	
289.	Lê Thị Bình	
290.	Nguyễn Văn Thành	
291.	Trương Đức	
292.	Trương Chánh	
293.	Nguyễn Thị Trúc	
294.	Trương Thị Minh Thư	
295.	Đặng Công Hiền	
296.	Bùi Thị Cam	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
297.	Lê Văn Đoàn	
298.	Lê Đình Chiến	
299.	Đỗ Cao Nhâm	
300.	Lê Văn Hợp	
301.	Phan Thanh Phong	
302.	Phạm Thị Hồng	
303.	Dương Nhật Duật	
304.	Lý Thị Hường	
305.	Trương Quang Minh	
306.	Bùi Minh Sơn	
307.	Nguyễn Minh Bê	
308.	Huỳnh Thị My Ly	
309.	Nguyễn Sum	
310.	Nguyễn Thị Hải	
311.	Nguyễn Viết Lộc	
312.	Võ Thị Sơn	
313.	Nguyễn Thị Hà	
314.	Nguyễn Viết Tuấn	
315.	Lê Thị Thành	
316.	Nguyễn Viết Hùng	
317.	Nguyễn Viết Đại	
318.	Nguyễn Viết Thanh	
319.	Huỳnh Cao Nhân	
320.	Đặng Tấn Nam	
321.	Đặng Tấn Lập	
322.	Võ Thị Liên Hào	
323.	Đặng Ngọc Hùng	
324.	Lê Bốn	
325.	Huỳnh Thị Xuân	
326.	Lê Thị Thu Thủy	
327.	Lê Quang Minh	
328.	Nguyễn Văn Long	
329.	Nguyễn Thị Nhẫn	
330.	Phan Hữu Ích	
331.	Nguyễn Viết Thuận	
332.	Trần Văn Hải	
333.	Phạm Thị Bích Ngọc	
334.	Nguyễn Thị Truyền	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
335.	Lê Thị Thu Diệu	
336.	Nguyễn Thị Thanh Hóa	
337.	Bùi Quang Phúc	
338.	Nguyễn Thị Thanh Hương	
339.	Nguyễn Hữu Tứ	
340.	Nguyễn Hữu Anh Chính	
341.	Phạm Hoàng Vũ	
342.	Nguyễn Văn Quyến	
343.	Phạm Minh Hùng	
344.	Nguyễn Hữu Luận	
345.	Nguyễn Hữu Bình (Đồng)	
346.	Nguyễn Thanh Hương	
347.	Nguyễn Thị Lệ	
348.	Nguyễn Văn Thế	
349.	Huỳnh Văn Kiệt	
350.	Nguyễn Hữu Thân	
351.	Phan Ánh Quang	
352.	Đoàn Hữu Kim	
353.	Trần Thị Thanh Nga	
354.	Nguyễn Thị Tào	
355.	Nguyễn Thị Lệ Thanh	
356.	Nguyễn Sơn (Phượng)	
357.	Ngô Tiêm	
358.	Đặng Thị Ty	
359.	Đỗ Mười	
360.	Nguyễn Hữu Được	
361.	Nguyễn Hữu Long	
362.	Nguyễn Hữu Quy	
363.	Nguyễn Tăng	
364.	Nguyễn Hữu Chí	
365.	Võ Minh Vũ	
366.	Nguyễn Thị Minh Hương	
367.	Nguyễn Thị Thủy (Thạnh)	
368.	Nguyễn Hữu Thái	
369.	Nguyễn Hữu Bình (Nga)	
370.	Nguyễn Trọng Nở	
371.	Nguyễn Mai	
372.	Nguyễn Thọ	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
373.	Nguyễn Tâm	
374.	Vũ Ngọc Huy (Xuyến)	
375.	Nguyễn Thị Trúc	
376.	Nguyễn Thành Phi	
377.	Nguyễn Ánh	
378.	Nguyễn Trinh	
379.	Nguyễn Én	
380.	Nguyễn Thắng	
381.	Nguyễn Tấn Giao	
382.	Nguyễn Tấn Giang	
383.	Lê Văn Tư	
384.	Nguyễn Chung Anh (Sương)	
385.	Lương Văn Hội	
386.	Nguyễn Trường Sơn	
387.	Đào Kim Dũng	
388.	Nguyễn Văn Quang	
389.	Bùi Ánh Thu	
390.	Lê Quang Nghĩa	
391.	Phạm Phú Trữ	
392.	Đoàn Thị Thu Phước	
393.	Vương Đình Trí	
394.	Nguyễn Thị Lệ (Nam)	
395.	Đặng Thiên Tâm	
396.	Trần Đình Khải	
397.	Nguyễn Hữu Khuê	
398.	Nguyễn Sơn (may)	
399.	Hoàng Ngọc Sự	
400.	Nguyễn Thành Nguyên	
401.	Phạm Viết Vương	
402.	Nguyễn Bá Hưng	
403.	Đoàn Thị Lượng (Liêm)	
404.	Nguyễn Văn Cường	
405.	Nguyễn Thanh Hải	
406.	Huỳnh Minh	
407.	Bùi Quang Triệu	
408.	Nguyễn Thị Phượng	
409.	Lê Thị Hạnh	
410.	Nguyễn Thành Lân	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
411.	Mạc Văn Năm	
412.	Trần Đức Nghi	
413.	Trần Thị Ánh Tuyết	
414.	Trần Văn Phụng	
415.	Trần Minh Tân	
416.	Trần Văn Ân	
417.	Nguyễn Hữu Gia Ry	
418.	Nguyễn Hữu Ly Bi	
419.	Trương Văn Út	
420.	Nguyễn Thị Yến Nga	
421.	Võ Thị Dân	
422.	Trần Quang Hưng	
423.	Trần Thị Yến	
424.	Nguyễn Văn Sinh	
425.	Trần Minh Quang	
426.	Huỳnh Minh Khiết	
427.	Nguyễn Thị Nhớ	
428.	Trần Tấn Đức	
429.	Nguyễn Công Đoan	
430.	Trần Thị Bé	
431.	Lý Thị Kim Chi	
432.	Cao Thanh Tấn	
433.	Nguyễn Thị Hường	
434.	Nguyễn Sơn (Phượng)	
435.	Trương Thị Ánh Hồng	
436.	Trần Ngọc Viên	
437.	Lê Văn Linh	
438.	Bùi Thị Thanh Thủy	
439.	Nguyễn Thị Kim Cúc	
440.	Trần Thị Ngọc Hà	
441.	Trần Quang Việt	
442.	Nguyễn Văn Phát	
443.	Nguyễn Thanh Lâm	
444.	Bạch Thanh Hưng	
445.	Phạm Thị Thúy Nga	
446.	Lê Văn Phước	
447.	Nguyễn Hữu Vinh	
448.	Nguyễn Thị Thùy Cẩm	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
449.	Nguyễn Thị Đạt	
450.	Nguyễn Hữu Tâm	
451.	Huỳnh Văn Như	
452.	Từ Đình Ngọc	
453.	Từ Thị Loan	
454.	Bạch Ngọc Dũng	
455.	Huỳnh Tấn Lộc	
456.	Huỳnh Ngọc Hào	
457.	Nguyễn Văn Hùng	
458.	Lương Hữu Tiến	
459.	Lê Văn Thích	
460.	Trần Thị Tuyết Nhung	
461.	Phạm Thị Bạch Tuyết	
462.	Nguyễn Thị Xuân	
463.	Trần Ngọc Thạch	
464.	Trần Thị Lan	
465.	Phan Thị Tâm	
466.	Vương Đông	
467.	Phạm Thị Thanh Thảo	
468.	Nguyễn Công Huy Cường	
469.	Nguyễn Văn Tuấn	
470.	Nguyễn Văn Thuận	
471.	Phạm Vinh	
472.	Nguyễn Tấn Công	
473.	Phạm Thị Tuyết Nhung	
474.	Đoàn Ngọc Sơn	
475.	Nguyễn Thị Thủy (Sơn)	
476.	Trương Hồng Châu	
477.	Bùi Hồng Lam	
478.	Lại Văn Trinh	
479.	Phạm Thị Thu Ba	
480.	Nguyễn Ri	
481.	Nguyễn Thị Minh Tâm	
482.	Hoàng Thiện	
483.	Huỳnh Tấn Phúc	
484.	Nguyễn Thị Thảo	
485.	Nguyễn Thị Vân Trang	
486.	Võ Thị Minh Lý	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
487.	Nguyễn Thị Thìn	
488.	Phạm Hồng Đức	
489.	Lê Hữu Phi	
490.	Nguyễn Thị Hải	
491.	Huỳnh Lâm	
492.	Lê Tuấn Toàn	
493.	Phạm Cao Lực	
494.	Nguyễn Hà Hải	
495.	Đặng Ngọc Minh	
496.	Trần Quốc Việt (Minh)	
497.	Nguyễn Văn Thành	
498.	Nguyễn Bá Linh	
499.	Nguyễn Văn Phương	
500.	Đặng Thị Thảo	
501.	Lê Cao Thư	
502.	Trương Huy Tâm	
503.	Nguyễn Thị Thọ	
504.	Huỳnh Phong	
505.	Phạm Phú Đại	
506.	Bùi Hoàn	
507.	Đặng Ngọc Thảo	
508.	Nguyễn Có	
509.	Phạm Tàu	
510.	Trần Hoài Linh	
511.	Từ Thị Ngân	
512.	Hoàng Ngọc Minh Tuấn	
513.	Lâm Thị Thủy	
514.	Nguyễn Duy Hùng	
515.	Nguyễn Thị Diệu My	
516.	Nguyễn Hữu Hải	
517.	Bùi Thanh Trà	
518.	Nguyễn Văn Sáng	
519.	Trần Hán Diệu	
520.	Trần Thị Thanh Trang	
521.	Nguyễn Ngọc Hùng	
522.	Trần Kim Sanh	
523.	Nguyễn Thị Nhật Linh	
524.	Bùi Thị Công	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
525.	Nguyễn Thị Quỳnh Vy	
526.	Nguyễn Văn Sơn	
527.	Nguyễn Hoàng Bích Ngọc	
528.	Đặng Thị Thúy (Cảm)	
529.	Nguyễn Sơn (Cúc)	
530.	Nguyễn Văn Bình	
531.	Trần Thị Hương	
532.	Quảng Văn Bình	
533.	Thái Đức Loan	
534.	Nguyễn Hữu Thọ	
535.	Bùi Thị Hạnh	
536.	Nguyễn Ngọc Trân	
537.	Phan Thị Thương	
538.	Nguyễn Thị Diệu Hương	
539.	Nguyễn Thị Thanh Hảo	
540.	Trần Công Duẩn	
541.	Phạm Thị Thuỳ Dung	
542.	Nguyễn Dược	
543.	Trần Thị Thương	
544.	Huỳnh Tấn Long	
545.	Lê Thị Gian	
546.	Lê Quang Hoàng Ấn	
547.	Lương Duy Ý	
548.	Phạm Quốc Trung	
549.	Trương Thị Trí	
550.	Võ Thành Sơn	
551.	Nguyễn Văn Kiều	
552.	Đặng Quang A Lên	
553.	Đinh Thị Thuý	
554.	Nguyễn Văn Duyên	
555.	Nguyễn Thanh Hoà	
556.	Lê Thị Hoà Bình	
557.	Nguyễn Văn Trữ	
558.	Phạm Thị Bích Ngọc	
559.	Trần Quang Thiện	
560.	Phạm Thị Thu Phương	
561.	Lê Thị Xuân Thuỷ	
562.	Trương Quang Nghĩa	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
563.	Lê Hoà Bình	
564.	Phan Văn Thành	
565.	Trần Lê Ngọc Tình	
566.	Phạm Thị Thương	
567.	Lê Vinh Quang	
568.	Lê Phương Nguyên	
569.	Bùi Tá Minh Vương	
570.	Phan Văn Thành	
571.	Võ Minh Anh	
572.	Trần Quang Thiện	
573.	Phạm Thị Thu Thủy	
574.	Huỳnh Tấn Long	
575.	Nguyễn Văn Hoà	
576.	Nguyễn Văn Chữ	
577.	Phan Hoàng Hải	
578.	Trần Thế Nhân	
579.	Trần Thị Diệu Trang	
580.	Nguyễn Thị Kim Thoa	
581.	Nguyễn Phú Thi	
582.	Võ Đình Hùng	
583.	Võ Đình Châu	
584.	Trần Quang Tuấn	
585.	Nguyễn Đông Phương	
586.	Đỗ Duy Nhật	
587.	Nguyễn Viết Tú	
588.	Bùi Thị Thanh Hồng Thuý	
589.	Phạm Minh Trung (Thành)	
590.	Bùi Thị Công	
591.	Nguyễn Hữu Hải	
592.	Trương Hồng Châu	
593.	Bùi Hồng Lam	
594.	Lại Văn Trinh	
595.	Phạm Thị Thu Ba	
596.	Nguyễn Ri	
597.	Hoàng Thiện	
598.	Huỳnh Tấn Phúc	
599.	Trần Đào Huy	
600.	Nguyễn Thị Vân Trang	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
601.	Nguyễn Thị Tần	
602.	Võ Thị Minh Lý	
603.	Vương Văn Mạnh	
604.	Phạm Hồng Đức	
605.	Lê Hữu Phi	
606.	Nguyễn Ngọc Minh	
607.	Huỳnh Lâm	
608.	Đặng Ngọc Minh	
609.	Phạm Cao Lực	
610.	Nguyễn Hà Hải	
611.	Nguyễn Văn Thành	
612.	Nguyễn Bá Linh	
613.	Đặng Thị Thảo	
614.	Lê Cao Thư	
615.	Trương Huy Tâm	
616.	Nguyễn Thị Thọ	
617.	Lê Thị Diệu Hiền	
618.	Bùi Hoàn	
619.	Bùi Thị Hồng Liên	
620.	Nguyễn Có	
621.	Nguyễn Văn Sáng	
622.	Nguyễn Thị Minh Tâm	
623.	Bùi Thanh Trà	
624.	Nguyễn Thị Thanh Hảo	
625.	Võ Văn Thanh	
626.	Trần Văn Sơn	
627.	Trần Quang Quyết	
628.	Huỳnh Thị Bích Đào	
629.	Nguyễn Tấn Công	
630.	Nguyễn Anh Tường	
631.	Võ Thị Mỹ Hạnh	
632.	Trần Minh Hoàng	
633.	Lê Vinh Quang	
634.	Trương Thị Ánh Hồng	
635.	Trần Quang Tuấn	
636.	Trần Văn Nhân	
637.	Nguyễn Thị Thanh Hảo	
638.	Nguyễn Tấn Thành	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
639.	Phạm Đăng Thám	
640.	Lê Thị Xuân	
641.	Huỳnh Phong	
642.	Bùi Thanh Trà	
643.	Nguyễn Thị Minh Tâm	
644.	Trần Công Duẩn	
645.	Nguyễn Thanh Trà	
646.	Nguyễn Tăng	
647.	Lâm Hồ Thu Thủy	
648.	Nguyễn Hữu Chí	
649.	Nguyễn Thị Minh Hương	
650.	Phạm Minh Ân	
651.	Nguyễn Hữu Thái	
652.	Nguyễn Hữu Bình	
653.	Nguyễn Trọng Nở	
654.	Nguyễn Mai	
655.	Nguyễn Trọng Hải	
656.	Nguyễn Thọ	